**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày 09 - 05 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thoan và bà Nguyễn Thị Hoè.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2024/TLST-DS ngày 10/07/2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc; đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Lê H - Trưởng phòng giao dịch Đ; người được uỷ quyền lại: ông Hồ Xuân T - Phó phòng giao dịch Đ - Ngân hàng TMCP S chi nhánh Q; có mặt.

*2. Bị đơn*: Ông Trần Việt H1, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình; bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt do đã xuất cảnh ra nước ngoài; ông Trần Việt H1 vắng mặt (có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên toà - người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày:*

Ngày 23/3/2023, Phòng G - Ngân hàng TMCP S chi nhánh Q (viết tắt là S1) với ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 đã ký Hợp đồng tín dụng số 202327008456 với hạn mức tín dụng được cấp là 500.000.000 đồng, thời hạn sử dụng hạn mức 36 tháng. Khoản vay được giải ngân theo Giấy nhận nợ số: LD 23082004467 ngày 23/3/2023 số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất cho vay: 3 tháng đầu 12,5%/năm, kể từ tháng thứ 04, lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được S1 niêm yết tại www.S1.com.vnđiểm điều chỉnh + biên độ 3,2%/năm và được S1 quyết định điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Phương thức trả nợ: trả lãi vào ngày mồng 10 hàng tháng, gốc trả cuối kỳ (ngày 23/12/2023). Bảo đảm cho nghĩa vụ

trả nợ của khoản vay tại Hợp đồng tín dụng trên, ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 đã ký với S1 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 295/2019/HĐTC ngày 13/12/2019 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản: Số 01-295/2019/HĐTC ngày 22/02/2021; Số 02-295/2019/HĐTC ngày 14/9/2022; Số 03-295/2019/HĐTC ngày 23/3/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 95, diện tích 204,3 $m^2$ thuộc Tổ dân phố G, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số phát hành: CR447273 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 16/11/2019, số vào sổ cấp GCN: CS11302, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 theo hồ sơ số 11302.CN.2224 ngày 29/11/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 10/11/2023. Tính đến ngày 09/5/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 còn nợ S1 số tiền 635.388.909 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 7.245.205 đồng, lãi trên số tiền lãi chậm trả1.015.621 đồng, lãi quá hạn 127.128.082 đồng.

Để bảo đảm việc thu hồi nợ vay, S1 đề nghị Toà án xử buộc ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ nói trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 trả xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, đề nghị Toà án tuyên xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết để thu hồi nợ. Trường hợp bán tài sản thế chấp mà vẫn không đủ để trả hết nợ vay thì buộc ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 phải tiếp tục trả nợ vay phần còn thiếu. Buộc ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí hợp pháp phát sinh liên quan đến toàn bộ quá trình hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật.

*Về phía bị đơn - ông Trần Việt H1 tại Bản tự khai đề ngày 31/10/2024 trình bày:* Vợ chồng ông H1 và bà T1 có vay tại S1 số tiền 500.000.000 đồng như trình bày của S1. Vợ chồng ông bà có trả lãi đầy đủ được đến tháng 9/2023, tuy nhiên, sau đó do làm ăn khó khăn không có điều kiện để trả nợ nên khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Hiện nay bà T1 đã xuất cảnh đi lao động tại Đài Loan, việc bán đất để trả nợ cho S1 gặp khó khăn. Về việc S1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông H1 cũng trình bày hiện nay ông đang đi làm ăn xa, đi lại khó khăn nên ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Về phía bị đơn - bà Nguyễn Thị T1*: Tại Công văn số: 1670/CV-QLXNC ngày 17/6/2024 của Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh Công an tỉnh Q xác nhận: bà Nguyễn Thị T1 đã xuất cảnh ra nước ngoài. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của bà Nguyễn Thị T1 và tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đồng thời làm thủ tục đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án

trên kênh H2 VOV5 vào các ngày 02, 03, 04/12/2024. Tuy nhiên, cho đến nay phía bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 không có ý kiến phản hồi.

Ngày 31/10/2024, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 95 là tài sản thế chấp có địa chỉ tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, kết quả xác định: thửa đất không có biến động, trên đất không có tài sản gì, không có tranh chấp với người khác.

***Tại phiên tòa:***

- Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng - ông Trần Việt H1 đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thông báo cho phía nguyên đơn biết, được coi là trường hợp đương sự thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch Hợp đồng mà không thông báo cho phía bên kia biết, đây được coi là trường hợp đương sự cố tình giấu địa chỉ, đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung*:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S1, buộc ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 phải trả nợ cho S1 số tiền tính đến ngày 09/5/2025 là 635.388.909 đồng, trong đó: nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 7.245.205 đồng, lãi trên số tiền lãi trong hạn chậm trả 1.015.621 đồng, lãi quá hạn 127.128.082 đồng. Trường hợp ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì S1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu các chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 được xác định không có mặt tại nơi cư trú trong thời gian thực hiện hợp đồng được coi là trường hợp đương sự thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch Hợp đồng mà không thông báo cho S1 biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, căn cứ điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đây là vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bà Nguyễn Thị T1 và tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đồng thời và đăng tin thông báo về việc giải quyết vụ án trên kênh H2 VOV5 theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn - bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do; ông Trần Việt H1 có đơn xin xét

xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của S1, Hội đồng xét xử thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ngày 23/3/2023, S1 với ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 đã ký Hợp đồng tín dụng số: 202327008456 với nội dung ông H1, bà T1 vay S1 khoản tiền để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Khoản vay được giải ngân theo Giấy nhận nợ số: LD 23082004467 ngày 23/03/2023 số tiền vay 500.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận lãi suất và phương thức trả nợ như đại diện S1 đã trình bày ở trên. Xét thấy, việc hai bên ký kết Hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung hình thức đúng quy định pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia ký kết hợp đồng. Do ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nên khoản vay bị S1 chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 23/12/2023. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (09/5/2025), ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 còn nợ S1 số tiền 635.388.909 đồng, trong đó, nợ gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 7.245.205 đồng, lãi trên số tiền lãi chậm trả 1.015.621 đồng, lãi quá hạn 127.128.082 đồng. Như vậy, ông H1, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, do đó, S1 khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông H1 và bà T1 phải trả nợ toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm nghĩa vụ của các khoản vay, ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 với S1 đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số: 295/2019/HĐTC ký ngày 13/12/2019 và các thoả thuận bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản. Theo thoả thuận của hai bên thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 95, diện tích 204,3 $m^2$ thuộc Tổ dân phố G, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đứng tên ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản và các sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp giữa hai bên cả hình thức và nội dung đều phù hợp với quy định của pháp luật, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên, đều đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định. Theo kết quả xem xét thẩm định chỗ của Tòa án thể hiện tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên thế chấp, hiện không phát sinh biến động gì và không có tranh chấp với ai. Do đó, trường hợp ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì S1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay.

[3]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã chi cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, đăng tin hết 6.750.000 đồng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 4.500.000 đồng, chi phí đăng tin hết 2.250.000 đồng) do nguyên đơn nộp tạm ứng toàn bộ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền trên cho nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 154, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40, Điều 117, Điều 119, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ tính đến ngày 09/5/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 635.388.909 đồng (sáu trăm ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn chín trăm linh chín đồng) trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn 7.245.205 đồng (bảy triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng), lãi trên số tiền lãi trong hạn chậm trả 1.015.621 đồng (một triệu không trăm mười lăm nghìn sáu trăm hai mươi mốt đồng), lãi quá hạn 127.128.082 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Trong trường hợp ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 295/2019/HĐTC ký ngày 13/12/2019 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản gồm: Số 01-295/2019/HĐTC ngày 22/02/2021; Số 02-295/2019/HĐTC ngày 14/9/2022; Số 03-295/2019/HĐTC ngày 23/3/2023, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 95, diện tích 204,3m$^2$ tại Tổ dân phố G, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CR447273 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 16/11/2019, số vào sổ cấp GCN: CS11302, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 theo hồ sơ số 11302.CN.2224 ngày 29/11/2019.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (09/5/202524) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202327008456 ngày 23/3/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu chi phí tố tụng 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Do Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng nên buộc ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 phải trả hoàn cho Ngân hàng 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Việt H1 và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 29.425.745 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm hai mươi

lăm nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 12.267.000 đồng (mười hai triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000032 ngày 12/03/2024.

4. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ; đương sự đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Xuân Diệu**